

Bản án số : 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2020

V/v: *Xin ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lê Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Dục -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản- Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST - HNGĐ, ngày 6/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 13/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Và A D**; Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: chị **Vì Thị V**; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 4/6/2019 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn anh **Và A D** trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị **Vì Thị V** đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 13/6/2014 tại UBND xã P, huyện Thuận Châu, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh

Và A D nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Tại phiên tòa anh D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị V.

- *Về con chung*: Anh, chị có 01 con chung tên là: Và Thị Thu T, sinh ngày 21/01/2014. Nay ly hôn nguyện vọng của anh D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 02/7/2019 bị đơn chị Vì Thị V khai xác nhận:

- *Về hôn nhân*: Quá trình kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chị V thừa nhận đúng như anh D trình bày. Tuy nhiên chị V mong muốn vợ, chồng quay trở về đoàn tụ, chị V không nhất trí ly hôn.

- *Về con chung*: Anh, chị có 01 con chung tên là: Và Thị Thu T, sinh ngày 21/01/2014. Nay ly hôn nguyện vọng của chị V là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị V yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Đề nghị để hai vợ chồng thỏa thuận tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/7/2019, ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh D đã giao nộp, anh D, chị V không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm. Về hôn nhân: anh D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị V. Chị V mong muốn đoàn tụ, chị V không nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh D, chị V đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Và Thị Thu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30/9/2019 bị đơn chị Vì Thị V khai nhận : Về hôn nhân: Chị Vì Thị V nhất trí ly hôn. Về con chung: Chị V nhất trí để anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Và Thị Thu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung : Yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

- 02 mảnh đất nương không rõ diện tích ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu, đất có nguồn gốc do bố mẹ anh D cho chung từ năm 2015 đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 30.000.000đ/mảnh x 2 = 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- 01 nhà gỗ 03 gian thưng ván ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu, dựng trên đất ở nhà chồng, trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- 01 ao cá ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu, ao đào trên đất bố mẹ chồng cho chung 02 vợ chồng tôi trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Tiền công san ủi ruộng cải tạo ruộng lúa ông Và Sáu D + Mua Thị N cho vợ chồng mượn 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Tiền chung vợ chồng gửi tiết kiệm 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Anh D là người đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng AGRIBANK chi nhánh Thuận Châu.

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung là 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng và hiện tại thì tôi (V) đang giữ 01 chiếc tủ lạnh. Số tài sản còn lại hiện do anh D và bố mẹ anh D quản lý. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị V đề nghị được sở hữu 01 chiếc tủ lạnh đang giữ, số tài sản còn lại thì chia cho anh D đồng thời yêu cầu anh D thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai và biên bản xác minh ông Và Sông D và bà Mua Thị N (bố mẹ đẻ anh D) đều khai như sau: Năm 2014, Và A D là con trai chúng tôi có kết hôn với chị Vì Thị V. Sau khi kết hôn vợ chồng D ở với vợ chồng chúng tôi một thời gian là 02 năm thì xin ra ở riêng. Khi vợ chồng D ra ở riêng vợ chồng tôi có cho mượn 01 nhà gỗ 03 gian gần đường liên xã và cho mượn 01 mảnh nương để canh tác. Về ao cá đó là của vợ chồng chúng tôi, do vợ chồng D, V mới kết hôn chưa có gì nên vợ chồng chúng tôi có cho vợ chồng D, V mượn để thả cá. Số tiền 15.000.000đ để trả tiền công san ủi ruộng lúa là tiền của vợ chồng chúng tôi không phải là của vợ chồng D, V. Do vậy toàn bộ số tài sản như chị V yêu cầu chia đều là tài sản của chúng tôi.

Ngày 9/10/2019 và ngày 11/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu chị V cung cấp chứng cứ, chứng minh vợ chồng anh chị có khối tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết như biên bản lấy lời khai ngày 30/9/2019. Tuy nhiên chị V đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Ngày 11/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Tuy nhiên đã hết thời hạn 7 ngày chị V đã không cung cấp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay anh D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, nội quy phiên tòa đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chị V không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56, 59, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- *Về hôn nhân:* Đề nghị xử cho anh V và A D được ly hôn với chị V Thị V.

- *Về con chung:* Đề nghị xử giao cháu V và Thị Thu T, sinh ngày 21/01/2014 cho anh D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn chị V Thị V có yêu cầu được chia 01 tủ lạnh và chia giá trị tài sản gồm : 02 mảnh đất nương không rõ diện tích; 01 nhà gỗ 03 gian thưng ván; 01 ao cá; Tiền công san ủi ruộng cải tạo ruộng lúa; Tiền chung vợ chồng gửi tiết kiệm. Tổng giá trị tài sản chung là 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng) yêu cầu anh D thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung tuy nhiên hết thời hạn chị V không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của chị V. Chị V có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh V và A D công nhận có 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY hiện chị V đang quản lý, sử dụng anh không yêu cầu chia để cho chị V được sở hữu, những tài sản khác không phải của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về nợ chung*: Các đương sự không có nợ chung, do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết.

- *Về án phí*: Anh V và A D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. *Về tố tụng*: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn anh V và A D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng đối với bị đơn chị V, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng tại phiên tòa, bị đơn chị V vắng mặt. Căn cứ Điều 179, điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Kiểm sát viên gửi văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ: Xác minh sự có mặt của bị đơn tại nơi cư trú: Tòa án đã tiến hành xác minh chị V, chị V có hộ khẩu thường trú bản T, xã P, huyện Thuận Châu, hiện chị V hiện không có mặt tại nơi cư trú, chị V đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của Kiểm sát viên.

[3]. *Về hôn nhân*: Anh V và A D và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 13/6/2014 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị V là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị V, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh D ly hôn với chị V.

[4]. *Về con chung*: Anh, chị có một con chung tên là: Và Thị Thu T, sinh ngày 21/01/2014. Chị V nhất trí để anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Và Thị Thu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, nhằm bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, xem xét hiện nay cháu T đang ở với anh D do vậy có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T cho anh D để anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu như ăn mặc, học hành và những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần. Anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung*: Đối với yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng chị V có yêu cầu được chia 01 tủ lạnh trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và chia giá trị tài sản gồm : 02 mảnh đất nương không rõ diện tích ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu trị giá 60.000.000đ; 01 nhà gỗ 03 gian thưng ván ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu, dựng trên đất ở nhà chồng trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng); 01 ao cá ở bản T, xã P, huyện Thuận Châu, ao đào trên đất bố mẹ chồng cho chung 02 vợ chồng trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Tiền công san ủi ruộng cải tạo ruộng lúa ông Và Sáu D + Mua Thị N cho vợ chồng mượn 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Tiền chung vợ chồng gửi tiết kiệm 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung là 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng) yêu cầu anh D thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

Ngày 9/10/2019 và ngày 11/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên tuy nhiên hết thời hạn chị V không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 11/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung tuy nhiên hết thời hạn chị V không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét đến yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của chị V vận dụng Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Và A D công nhận có 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY hiện chị V đang quản lý, sử dụng anh không yêu cầu chia để cho chị V được sở hữu, những tài sản khác không phải của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6]. *Về nợ chung*: Các đương sự không có nợ chung, do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Và A D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Và A D được ly hôn với chị Vì Thị V.

2. Về con chung: Xử giao cháu Và Thị Thu T, sinh ngày 21/01/2014 cho anh Và A D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Vì Thị V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vì Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Và A D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số: AA/2016/0002610, ngày 6/6/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Và A D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vì Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã P, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

